

Lời Mở Đầu

Có câu hỏi đặt ra là Phật giáo có phải là một triết học hay không? Và phải chăng giữa triết học và Phật giáo hoàn toàn có những nét tương đồng để chúng ta xem nó là một?



Muốn đi sâu tìm hiểu vấn đề này, chúng ta cần nói rõ về nghĩa của hai danh từ “Phật pháp” và “triết học”. Trong luận điểm luôn xưng hô “Phật, Pháp, Tăng” là tam bảo. Ở đây, nếu gọi “Phật pháp”, chúng ta hiểu nó là “pháp”, nghĩa là nội dung thích hợp để dẫn dắt, đó là nghĩa lý của một sự vật, “Phật pháp” nghĩa là nghĩa lý của Phật giáo. Phật giáo vốn là một tôn giáo, những Phật giáo và các tôn giáo khác không giống nhau. Các tôn giáo khác thường là thờ phụng và tin vào một vị thần đầy huyền bí, cao siêu nào đó. Loài tín ngưỡng này thường xuất hiện ở những nơi hoang dã và tình cảm, là mê tín. Theo đà tiến bộ của dân tộc và văn minh nhân loại, sự tồn tại của “thần” và quy định của nó dần dần lung lay cho nên loài tôn giáo theo những tình cảm mà có thì cũng tùy theo thời gian mà bị đào thải, bị quên. Phật giáo thì ngược lại. Phật giáo có nghĩa lý tinh tế, viên dung, phong phú và cao siêu. Nó giống thích rõ nhân sinh và vũ trụ

cùng các hiện tượng vật chất. Nghĩa lý này tuy đúng nhưng không do tiến bộ khoa học của thời đại mà lung lay. Nghĩa lý Phật pháp - tức Phật pháp - là lời chân ngôn vật chất không phai mờ.

Thông thường người ta xem Phật pháp là Phật học hay triết học Phật giáo. Đó là do nghĩa lý mà Phật pháp thuyết giảng về triết học của thế gian. Nhưng triết học của thế gian có rất nhiều phái, như Lão Trang thì có triết học Lão Trang, ông Khổng, ông Mạnh thì có triết học của Nho giáo.v.v.. Hiện tại cái mà người ta gọi là "triết học Phật giáo" nói chung cũng bao gồm luôn các phái dân gian. Nói đúng nghĩa của triết học Phật giáo, các phái luôn có cách giảng thích riêng. Nhưng trong giới hạn bài viết này, chúng ta chỉ bàn đến sự khác nhau giữa triết học Phật pháp và triết học phổ thông. Bây giờ tôi xin liệt kê các điểm khác nhau đó như sau :

1. Triết Học là Hoạt Động Của Lý Tính.

Phật Pháp Là sự Triết Ngộ Của Trí Tuệ.

Định nghĩa trên được rút ra khi đứng trên quan điểm của nhận thức luận mà phân biệt Phật pháp với triết học. Tại sao triết học lại được gọi là triết học của lý tính? Đó chính là vì hoạt động của lý tính và hoạt động của cảm tính luôn đối nghịch nhau. Để minh chứng cho điều này, chúng tôi xin dùng thuật ngữ Duy thức để giải thích: Hoạt động cảm tính là những hiện tượng của nhãn thức, nhĩ thức, thị thức, thân thức Trong khi hoạt động của lý tính là những suy nghĩ hay giảng dạy của ý thức. Vì triết học là hoạt động của lý tính nên phương thức nhận thức nó hoàn toàn không nằm ngoài phạm vi những suy nghĩ thức. Nhưng Phật pháp thì không như vậy. Phật pháp không có ý bám vào những suy nghĩ thức mà là do trí tuệ được dựa trên hiện tượng ý thức làm căn bản.

Hai trí tuệ của Phật pháp không phải giải thích những điều là "thông minh sáng trí" ; Phật giáo nói "trí tuệ" là phải qua một quá trình tu tập dài dài mới được chứng đắc. Nó có khả năng nhận biết tất cả các sự việc xảy ra trước mắt, không thêm bớt phân biệt, cho nên được gọi là "vô phân biệt trí"; Nếu nhìn từ quan điểm này, tất cả sự thông minh sáng trí của thế gian đều là "vướng vào những phân biệt, thuộc về biên giới sự chấp dính"; Tri thức mà nó được chứng đắc cũng chứng qua là vướng tình nghiệp thức, các lĩnh vực khác nhau : triết học, khoa học, học duy tâm, duy vật, nhất nguyên hay đa nguyên cũng đều như thế.

2. Triết Học Là Khái Niệm, Phật Pháp Là Ly Ngôn.

Đây là sự khác nhau giữa triết học và Phật pháp vốn bản thân luận. Triết học là hoạt động của lý tính, mà hoạt động của lý tính thì phương pháp của nó chắc chắn là ngôn ngữ vào khái niệm. Cho nên bản thân vũ trụ mà triết học hay nói cũng đã được khái niệm hóa. Có người nói nhất nguyên, có người nói đa nguyên. Nhưng duy tâm, duy vật nhất nguyên, đa nguyên đều là bản thân vũ trụ, đều không tránh khỏi là một khái niệm. Bản thân của khái niệm cũng là một cái vật trừu tượng. Nó không có nội dung, Lão Tử đã nói: "Có một vật do hình thành mà thành. Nó có trước cả trời đất, tồn tại trước cả vạn vật nhưng không thay đổi, lưu hành khắp nơi mà không bị nhiễm. Tôi không biết tên nó là gì, mình cũng không gọi tên nó là Đạo". Điều hiển nhiên là Lão Tử đã gọi bản thân vũ trụ là Đạo. Đạo là ngoài khái niệm, không thể đặt tên, thể hình dáng của nó được. Cho nên Lão Tử đã nói: "Đạo không thể nói, phi ngôn ngữ; danh không danh, phi ngôn ngữ danh". Lão Tử ly ngôn mà bàn bản thân luận. Điều đó đã nói lên triết lý thâm奥, huyền diệu của ông.

Trên lý luận đó, chúng ta nhận được trong Phật pháp là ly ngôn, nhà Phật cho rằng tất cả khái niệm, danh từ, ngôn luận đều là hư vọng. Điều này sẽ vượt, nếu có sự chấp trước vào hư vọng thì sự thật sẽ không được thể hiện đúng đắn, chính xác. Cho nên Phật giáo luôn nhấn mạnh việc dứt bỏ căn bản là pháp chấp. Phương pháp của pháp chấp là không trừu tượng (chấp trước). Nếu trong lòng còn một chút khái niệm, nghi ngờ danh từ đó đều là trừu tượng. Cho nên, trong lòng phải không hề có chút gì vướng bận đối với danh từ nào cả, phải giữ tâm trừu tượng, không phân biệt nhân ngã, không phân biệt bất thiện nhưng không được ngừng trừ thiện mà phải lý sự dung thông. Bởi thế nên mới có câu: "Rừng trúc không ngừng nở hoa qua, núi cao há ngăn được mây bay". Đây mới chính là cảnh giới cao nhất của đời thực pháp. Cảnh giới này cũng chính là cảnh giới thực vô tướng. Kinh Kim cang cũng có nói: "Thuyết pháp giả vô pháp khả thuyết, thể danh thuyết pháp". Tất cả những ví dụ này chứng minh rằng bản thân luận của Phật giáo là "ly ngôn thuyết";

3. Triết Học Là Học Cứu. Phật Pháp Là Thực Tại

Vì sao chúng ta lại có những kết luận như vậy?

Thực chất, bản triết học là khái niệm. Mà bản thân khái niệm là một thể học cứu. Nó vượt thể tuy nhiên không nhất trí với nhau, dù sao đi nữa luôn có một số cách biệt với thể thực tại. Ví dụ như cây vi khuẩn là một khái niệm. Vi khuẩn có thể là nhiều loại và khác nhau như: bút lông, vi khuẩn, vi khuẩn máy, vi khuẩn được thông qua tác động đến giới và tình hình hóa lý tính của nhân loại và hình

có u ra khái niệm chung này . Cây viết này nguyên gốc của nó đã không phải là viết bút lông, viết chì , bút máy nữa. Rồi viết bút lông, thì bút lông bên thân là một khái niệm hợp của. Nó được cắm vào lông của, lông dê, lông gà mà được dán giấy nên thành hợp mà thành. Nó không phải là cây bút lông muôn màu muôn vẻ khác trên. Cho nên khái niệm càng cao cấp tinh vi, phạm vi trải rộng càng lớn thì hợp của cách thức càng xa. Trong triết học có nói đến nhiều khái niệm như "tâm", "vật", "nhất", "đa", đây là những khái niệm trừu tượng. Hơn nữa , khái niệm vật phẩm nguyên vật chất là một trong những sự vật hiện tồn, tiếp nhận, tiếp đó rút ra những yếu tố nội hàm riêng nhau, rồi đặt cho nó một cái tên chung quát, sự mệnh danh cho yếu tố nội hàm này. Triết học đã là khái niệm cho nên nó chuyển qua là "độc lập" do ý thức duyên khởi, là không có một chất. Lập luận về Bản thể luận của Phật giáo là khác đó. Đây chính là lý do vì sao chúng ta gọi Phật pháp là thực tại.

Thứ hai, nếu chúng ta không hề có hai khái niệm trên, chúng ta vẫn có thể chứng minh được rằng triết học là hợp của. Chúng ta hãy cho một ví dụ : nếu như nói triết học là một môn học nghiên cứu về nhân sinh vũ trụ . Những hiện tượng nhân sinh vũ trụ của các quốc gia thay đổi trong từng phút từng giây; thế thì liệu những định nghĩa như thế này có giá nguyên mãi như thế khi hoàn cảnh thay đổi, khi triết học của nhân loại tiến bộ hơn ? Nếu vậy thì cách nghiên cứu thích hợp đây không còn phù hợp nữa, nhất định phải tiếp tục lại hợp thế giới thích hợp cho phù hợp hơn. Như vậy , triết học chuyển khác nào một chuỗi dài tiếp vá của toàn bộ triết học nhân loại để nghiên cứu thích hiện tượng môi trường thế giới. Mỗi khu vực , mỗi dân tộc đều có trình độ triết học khác nhau do sự khác biệt của hoàn cảnh. Vì thế họ cắm vào triết học và hoàn cảnh của riêng mình mà tiếp vá thêm để nên hợp thế giới triết học của riêng mình. Kết quả là mỗi nội dung khác nhau. Hơn nữa , chân lý của sự vật do thế giới , địa lý dân tộc không riêng nhau, biểu hiện hoàn toàn không nhất trí , cho nên trên thế giới không có chân lý tuyệt đối. Chân lý chỉ tồn tại trong một tình huống thế giới nào đó. Với những hiện tượng như vậy, triết học chuyển khác nào mang thực tại tính của mình ra mà tuyên bố phá sản.

Tất cả những điều vừa nói thích trên đã có thể giải đáp câu hỏi : " Vì sao triết học là hợp của? ". Còn với Phật pháp, cái mà Phật pháp đòi hỏi là tánh cảnh có cảnh có chất, nên nó là thực tại.

4. Triết Học "Giữa", Phật Pháp "Giữa" và "Chứng minh";

Chúng ta nên bắt đầu bằng một ví dụ : Một người nào đó sống ở vùng nhiệt đới từ lúc sinh ra cho tới bây giờ chưa hề thấy nắng đá bao giờ . Nếu bên ngoài trời nắng và người đó vẫn ở dưới bóng đá, rồi người đó là như, trong suốt, người ở đây nghe xong , trong đó sự hình dung đúng những điều như thế. Như thế được gọi là "giữa" (hiểu). Sau khi người ở đây nghiên cứu, tuy biết rằng người

đá là như thế, công việc, trong sự vật, những người không biết như là gì, công việc thế nào, trong sự vật ra sao. Giữa sự nghiệp của họ có một phạm vi hạn định, người ta mang những cái đá ra xem xét, lúc này họ mới biết thế nào là như thế, công việc và trong sự vật, anh ta sẽ hiểu ngay lập tức. Nhưng vậy gọi là chứng minh. Cho nên "giới thiệu" thì mới người cùng biết và nói được, còn "chứng minh" thì chỉ có mình biết mà thôi.

Phật pháp chính là như vậy đó, phải đi đến đến một cái để như thế mới xong việc. Cho nên nó như triết học và miêu tả vũ trụ là xác thực nhất. Trong khi đó triết học chỉ giới thiệu. Đây là sự khác biệt giữa Phật pháp và triết học trên bình diện như triết học luận.

5. Triết Học Luôn Bị Động, Phật Pháp Luôn Như Trí.

Triết học là học hỏi, nó không có một tiêu chuẩn cố định như triết học thì nào cũng vậy. Cho nên mọi triết gia sẽ có triết học của họ riêng đó. Một khu vực cũng có triết học riêng của nó mà người ta trong khu vực tôn thờ. Thậm chí mỗi cá nhân đều có triết học riêng của mình cá nhân. Những người triết học khác nhau như vậy chính vì họ sống trong những hoàn cảnh khác nhau, một nguyên nhân của sự khác biệt là bản thân nó không có tiêu chuẩn triết học và một khuynh hướng chung cùng như một định luật. Phật pháp nói là như trí, chính vì vậy có sự tiến bộ và đi đến cùng thế giới như thế. Chúng ta thấy Phật giáo có nhiều giáo phái như Theravada, Mahayana, Hinayana, một giáo và quy định, triết học, không, học. Ngay trong các tông phái Theravada Hinayana cũng chia ra nhiều giáo, thiền, luận, luật, một. Trong khi đó, "giáo" thì có thiên thai, hoa nghiêm, pháp hoa, tam luận, môn thì nhiều, kinh điển thì càng nhiều hơn. Nhưng, tuy có khác biệt như thế nào đi nữa, trên nguyên tắc "triết học" pháp luận; tất cả đều không hợp, thế giới như thế với nhau, không hề mâu thuẫn.

6. Mục Đích Của triết học Là Hướng Dẫn Cho Đạo Hành Của Con Người. Mục Đích Của Phật Pháp Là Thành Phật Đẳng Giác.

Ta thấy đây cách sống sống của triết học và Phật pháp khác nhau. Vì triết học luôn luôn hướng dẫn về những phẩm chất, cho nên nó chú trọng đến những hành vi con người, Phật giáo lấy xuất thế làm bản hoài, cho nên những bậc chứng tu, không cầu danh lợi, không trọng vật chất và tuy sống trong Ta Bà ngũ ác thế, những mục đích của họ là để sinh cho nên sau cùng họ vẫn là xuất thế. Trong kinh Hoa Nghiêm chép rằng "Tất cả bậc chứng tu đều dùng tâm bình đẳng làm ích lợi cho chúng sinh. Bậc chứng tu nào có thể tùy thuận chúng sinh, tất cả là tùy thuận cúng dường cho Phật, nếu người nào chúng sinh tôn trọng thế gian, tất cả là tôn trọng thế gian. Như Lai, nếu làm cho chúng sinh hoan hỷ tất cả là làm cho tất cả Chư Phật hoan hỷ. Ví dụ như trong hoang mục có cây đời sống, nếu người nào có được nó thì người đó sống, nhánh lá hoa quả đều được phân

